

Bản án số: 08/2024/DS-PT

Ngày 10-01-2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Nghi -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2023/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2023/QĐ-PT, ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1- Ông Chung Văn N1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2- Bà Đoàn Thị N2, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3- Bà Trần Thị G, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4- Bà Trần Thị P, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5- Bà Lê Thị Xuân M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

6- Ông Ngô Văn S, sinh năm 1967 (có mặt).

7- Bà Nguyễn Thị Chúc M1, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

8- Bà Trần Thanh T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

9- Bà Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

** Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông T2 Huỳnh Văn H1 trình bày:

Trước đây, do chỗ họ hàng với nhau, bà N có tham gia góp hụi do bà Trần Kim H làm chủ hụi, đây hụi mà bà N tham gia là đây hụi tháng 2.000.000đ. Đây hụi gồm 29 hụi viên mở ngày 10/02/2021, thời gian khai hụi là ngày 10 hàng tháng, đến ngày 20 thì gom hụi. Quá trình tham gia hụi, bà N đã góp hụi cho bà H đến lần thứ 22. Gần đây, do nhu cầu trong cuộc sống, nên bà N có đề nghị được lãnh hụi. Tổng số tiền bà N được hốt hụi từ bà H là 49.300.000đ. Đến ngày giao hụi, phía bà H không giao hụi cho bà và cũng không đưa ra được lý do gì mà không giao hụi cho bà. Việc làm của bà H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Kim H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 49.300.000đ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Kim H trình bày:*

Vào ngày 10/02/2021, bà H có mở đây hụi 2.000.000đ có 29 phần hụi do hụi viên tham gia. Bà N có tham gia một phần hụi và đứng ra vô thêm hai phần hụi cho chị Tám Đ và chị Tám T3, bà N đứng ra cam kết bảo lãnh, nếu hai

người vô dùm mà không đóng thì bà N chịu trách nhiệm đóng hui cho bà. Do bà nghĩ chị em, nên bà H đồng ý.

Khi bà N đóng hui được một tháng, thì bà N nói với bà là do bị kẹt tiền và kêu bà bán dùm chân hui cho bà N. Sau đó, bà có giới thiệu cho ông Chung Văn N1 ở cùng ấp với bà và ông N1 đồng ý mua chân hui của bà N với giá kêu hót là 830.000đ, ông N1 có đưa cho bà số tiền 32.590.000đ để bà giao cho bà N và bà N cũng đã nhận số tiền 32.590.000đ. Đến ngày 10/02/2023, bà N đã bỏ thăm hót chân hui của chị Trần Thanh T1 (bà Tám Đ) được số tiền 49.300.000đ, bà N yêu cầu tôi giao số tiền trên mà bà N kêu dùm cho bà Tám Đ, thì bà H không đồng ý, vì phần hui này là của bà Tám Đ. Cho nên, bà N yêu cầu bà trả số tiền hui 49.300.000đ là không có cơ sở.

** Tại phiên tòa, người làm chứng ông Chung Văn N1 trình bày:*

Qua lời trình trình bày của bà Trần Kim H là đúng sự thật, đây hui 2.000.000đ bà N có tham gia do bà H làm chủ, hui có 29 hui viên tham gia mở ngày 10/02/2021. Lúc đó, bà H có nói với ông là bà N kẹt tiền và bán chân hui, nên ông đồng ý mua với giá kêu hót hui là 830.000đ, ông có giao cho bà H số tiền 32.590.000đ để giao cho bà N xong. Lúc ông mua hui của bà N, thì ông có điện thoại cho bà N để nói chuyện việc mua hui và bà H đều biết, còn việc đóng hui chết thì bà N có trách nhiệm đóng cho bà H là có cơ sở. Vì ông đã mua hui của bà N và đưa số tiền 32.590.000đ cho bà N rồi.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2023/DS-ST, ngày 14/9/2023 đã quyết định như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biểu, phường;

- Căn cứ Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Trần Kim H trả số tiền nợ hui 49.300.000 đồng.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023 nguyên đơn Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn N vì nguyên đơn N không chứng minh được kháng cáo của nguyên đơn N là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn N là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Những người làm chứng gồm: Ông Chung Văn N1; bà Đoàn Thị N2; bà Trần Thị G; bà Trần Thị P và bà Lê Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt những người

làm chứng có tên nêu trên theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng có tên nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn Trần Kim H phải trả số tiền hui còn thiếu là 49.300.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H không đồng ý theo nội dung khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn N, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của nguyên đơn N, thì thấy rằng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N và bị đơn H đều thừa nhận: Nguyên đơn N có tham gia chơi dây hui tháng mở hui ngày 10/02/2021 do bị đơn H làm chủ; dây hui gồm 29 chân hui (29 phần hui). Vì vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N trình bày: Nguyên đơn N có tham chơi 01 chân hui và giới thiệu cho bà Tám Đ và bà Tám T3 mỗi người chơi một chân hui, bà Tám Đ và bà Tám T3 đã hót chân hui của họ, chân hui của bà N, bà đã đóng hui sống được 21 lần, đến lần thứ 22, nguyên đơn N được hót hui với số tiền là 49.300.000đ nhưng chủ hui là bị đơn Hai không giao tiền hui, từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H trình bày: Bà N có tham chơi 01 chân hui và đứng bảo lãnh 02 chân hui cho bà Trần Thanh T1 (tên thường gọi chị Tám Đ) và bà Phạm Thị Trúc L (tên thường gọi chị Tám T3), tổng cộng là 03 chân hui, bà N cam kết nếu bà T1 và bà L không đóng đủ tiền hui, thì bà N chịu trách nhiệm đóng thay phần hui của bà T1 và bà L cho bà H. Chân hui của bà N thì bà N đã hót lần thứ 02 và bà H đã nhận tiền từ người mua hui là ông Chung Văn N1 để giao tiền hui cho bà N, bà Phạm Thị Trúc L (T) là người hót hui lần thứ 3, lần hót hui thứ 22 là chân hui của bà T1 (Tám Đài) chứ không phải chân hui của bà N.

Xét ý kiến trình bày của các đương sự về lần hót hui của nguyên đơn N, thì thấy rằng:

- Nguyên đơn N cho rằng: Lần hót hui thứ 02 bà hót hui dùm Tám Đài (bà T1) còn lần hót hui thứ 22 là của bà N.

- Bị đơn H cho rằng: Bà N là người hót hui lần thứ 02 còn lần hót hui thứ 22 là của bà Tám Đ (bà T1).

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N là anh T đều thừa nhận: Lần hót hui thứ 02, nguyên đơn N là người trực tiếp nhận số tiền hui được hót là 32.590.000đ từ bị đơn Hai. Sau đó

nguyên đơn N đã giao số tiền 32.590.000đ cho bà Tám Đ (bà T1) nhưng nguyên đơn N không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh lần hốt hụi thứ 02 bà hốt từ bà Tám Đ (bà T1) và đã đưa số tiền 32.590.000đ cho bà Tám Đ (bà T1).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thanh T1 (T) không thừa nhận bà là người hốt hụi lần thứ 02 và bà cũng không thừa nhận đã nhận số tiền 32.590.000đ từ bà N, bà T1 trình bày: Lần hốt hụi thứ 22 là chân hụi của bà chứ không phải chân hụi của bà N, chân hụi của bà N thì bà N đã hốt từ lần thứ hai.

- Tại “Biên bản xác minh” ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/9/2023, ông Chung Văn N1 trình bày và xác nhận: Khi bà N đóng hụi được 01 tháng thì kêu bán dây hụi này với giá là 830.000đ thì ông đồng ý mua, ông giao tiền cho bà H để bà H giao cho bà N, sau khi hốt hụi thì bà N vẫn đóng hụi chết hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ và ông N1 được nhận tiền lời của những người ra thăm hốt hụi. Ông N1 xác nhận: Bà N kiện bà H là không đúng vì phần hụi của bà N bà N đã bán cho ông N1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Trúc L trình bày: Bà N có giới thiệu để bà và bà T1 (Tám Đ) chơi hụi do bà H làm chủ. Bà L cho rằng bà N đã hốt hụi lần thứ hai còn bà L là người hốt lần thứ 3 nên bà nhớ rõ.

- Nguyên đơn N cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa vợ chồng anh Huỳnh Hoàng T và bà Trần Thanh T1 về việc chơi hụi giữa các bên, được mở công khai tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung cuộc nói chuyện nêu trên không thể hiện bà T1 là người hốt hụi lần thứ 2 còn bà N là người hốt hụi lần thứ 22.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các người làm chứng là ông S và vợ là bà M1 trình bày: Bà Tám Đ là người hốt hụi lần thứ 2 còn bà N là người hốt hụi lần thứ 22, nhưng ông S và bà M1 thừa nhận cũng chỉ nghe bà N nói lại như vậy, chứ thực tế ông S và bà M1 cũng không trực tiếp chứng kiến việc bà N nhận tiền hụi lần thứ 02 của bà H là 32.590.000đ và đã giao số tiền nêu trên cho bà Tám Đ (bà T1). Vì vậy, lời trình bày của ông S và bà M1 về việc bà Tám Đ (bà T1) hốt hụi lần thứ 2 còn bà N hốt lần thứ 22 chưa đủ căn cứ vững chắc để xem là chứng cứ khi giải quyết vụ án này.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định chân hụi hốt lần thứ 22 bà Trần Thanh T1 (T) là người được hốt.

Nguyên đơn N không chứng minh được lần hốt hụi thứ 22 là của bà N, trong khi bị đơn H đã chứng minh được bà N đã hốt hụi lần thứ 2 còn lần hốt hụi thứ 22 là của bà Tám Đ (bà T1). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật như những căn cứ và phân tích đã được viện dẫn nêu trên.

Do nguyên đơn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N không chứng minh được yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn N là có căn cứ pháp luật, trong khi bị đơn H không đồng ý theo nội dung

khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn N. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn N.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn N được miễn tiền án phí phúc thẩm, do thuộc đối tượng người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

I- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, họ, biểu, phường;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Trần Kim H trả số tiền nợ hộ 49.300.000 đồng.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.*

II- *Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị N được miễn do thuộc đối tượng người cao tuổi.*

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung